

Số: 62/2025/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Chất.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 297/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

2. Anh Bùi Đức T1, sinh năm 1986; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người được chị T, anh T1 ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh T1, bà T2 đều vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình, bản tự khai của chị Bùi Thị T, anh Bùi Đức T1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2006. Quá trình chung sống, chị T, anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị đều đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan nhưng vợ chồng không ở cùng nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc T3, sinh ngày 24/01/2008 và Bùi Thị Mai A, sinh ngày 19/12/2009, hiện các cháu đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị T2. Khi ly hôn, chị T và anh T1 thống nhất giao cháu T3 cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu Mai A cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian ở nước ngoài, anh chị ủy quyền cho bà ngoại là Nguyễn Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh T1, chị T về Việt Nam. Anh chị cùng nuôi con nên hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Bùi Thị T. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị T, anh T1 về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Quốc T3 và cháu Bùi Thị Mai A trong thời gian anh chị không có mặt tại Việt Nam.

Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt, có quan điểm xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1, giao con chung là Bùi Quốc T3, sinh ngày 24/01/2008 cho anh T1 nuôi dưỡng; giao con chung là Bùi Thị Mai A, sinh ngày 19/12/2009 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các con

chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu T3 và cháu Mai A cho bà Nguyễn Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T, anh T1 về Việt Nam. Về lệ phí: Chị T, anh T1 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1 đều đang sinh sống tại Đài Loan, địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản chị T, anh T1 gửi về gồm Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai, Giấy ủy quyền đều có xác nhận của Văn phòng K tại Đ nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Quá trình giải quyết, các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh T1 đều xác định quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện anh chị đều đang ở Đài Loan nhưng vợ chồng không ở cùng nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T, anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc T3, sinh ngày 24/01/2008 và Bùi Thị Mai A, sinh ngày 19/12/2009, hiện đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị T2. Khi ly hôn, chị T, anh T1 thống nhất thỏa thuận giao cháu T3 cho anh T1 và giao cháu Mai A cho chị

T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, chị T, anh T1 ủy quyền cho bà T2 chăm sóc các cháu cho đến khi anh chị về Việt Nam, bà T2 đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 đều không đề nghị giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chị T, anh T1 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1. Giao cho anh T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Quốc T3, sinh ngày 24/01/2008; giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Mai A, sinh ngày 19/12/2009 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu T3 và cháu Mai A cho bà Nguyễn Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T, anh T1 về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức T1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do chị Vũ Thị C nộp thay, theo Biên lai thu số 0001856 ngày 16/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T, anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Chất